

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẠC  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 6 - 2019

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Hoàng Văn Khảm

2/ Ông Đoàn Văn Doan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Yến- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 “ V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: Khu 5, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã TN, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V có quan hệ với người đàn ông khác nên anh chị thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Ngày 30/3/2018 anh và chị V đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn Y, huyện Y. Tuy nhiên, sau đó giữa anh và chị

V vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng không được. Anh và chị V sống ly thân với nhau từ tháng 5/2018 cho đến nay. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn.

Bị đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Về quá trình chung sống, thời điểm kết hôn như anh T đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chung thủy, nhiều lần đánh đập chị, không quan tâm chăm sóc con chung. Anh T đề nghị ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị V có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 21/7/2015 đang ở cùng với chị V. Ly hôn, anh T và chị V đều đề nghị được nuôi dưỡng cháu B. Anh T không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị V yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Tại phiên tòa, anh T và chị V thỏa thuận: Anh T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc B mỗi tháng 1.000.000đ tính từ ngày 26/6/2019 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Về tài sản, các khoản cho vay, khoản nợ và các vấn đề khác: Anh T và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V. Giao cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc B, công nhận sự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa anh T và chị V là vợ chồng, anh T có đơn đề nghị ly hôn, do vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Xét về yêu cầu của đương sự:

[2]. Về tình cảm: Anh T và chị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau trong cuộc sống, dẫn đến đánh cãi chửi nhau. Anh T và chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cùng đề nghị được ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị V là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh T và chị V có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 21/7/2015 đang ở với chị V. Ly hôn, anh T và chị V đều đề nghị được nuôi dưỡng cháu B.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Quốc B còn quá nhỏ tính đến ngày xét xử cháu chưa đủ 05 tuổi, hiện tại cháu B đang được mẹ là chị V chăm sóc nuôi dưỡng, để tránh gây ảnh hưởng đến tâm lý và bảo đảm quyền lợi cho cháu B. Xét thấy, cần giao cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc B là phù hợp. Cần công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị V về việc anh T cấp dưỡng nuôi cháu B 1.000.000đ/tháng kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Anh T và chị V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 55; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị V.

2/ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 21/7/2015 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Quốc B đủ 18 tuổi, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Kể từ ngày ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0000774 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Yên Lạc. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

***Nơi nhận:***

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự ( Đề thi hành);
- Lưu HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Minh Tuấn**